

**ĐIỂM THI**

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 27

Môn: Phần A.III,IV: Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Ngày thi: 30/11/2024

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Bé Thị Cúc	7,75	Bảy phẩy bảy năm	35	Lợi Luân Long	6,75	Sáu phẩy bảy năm
2	Hà Việt Chung	8,00	Tám	36	Nông Thị Mây	8,00	Tám
3	Hoàng Thị Diễm	7,75	Bảy phẩy bảy năm	37	Đoàn Thị Minh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
4	Nông Thị Diệp	7,75	Bảy phẩy bảy năm	38	Bé Thị Nương	7,75	Bảy phẩy bảy năm
5	Hoàng Thuý Diệu	8,00	Tám	39	Lưu Thu Nga	8,00	Tám
6	Lý Ích Du	8,25	Tám phẩy hai năm	40	Nông Thị Ngoan	7,50	Bảy phẩy năm
7	Hoàng Thùy Dung	7,50	Bảy phẩy năm	41	Trần Hồng Nguyên	8,00	Tám
8	Mông Thùy Dung	8,00	Tám	42	Đinh Thị Ánh Nguyệt	7,00	Bảy
9	Lục Thị Dung	8,00	Tám	43	Hoàng Ánh Nguyệt	8,00	Tám
10	Phùng Văn Dũng	7,50	Bảy phẩy năm	44	Tô Minh Nguyệt	8,00	Tám
11	Ma Kiên Duy	8,00	Tám	45	Hoàng Bích Nhân	7,00	Bảy
12	Hoàng Văn Duy	6,75	Sáu phẩy bảy năm	46	Nguyễn Thị Nhị	6,75	Sáu phẩy bảy năm
13	Ngôn Thị Duyên	7,50	Bảy phẩy năm	47	Phan Thị Như	7,00	Bảy
14	Trương Văn Độ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	48	Đinh Thị Oanh	7,00	Bảy
15	Nông Thị Em	7,50	Bảy phẩy năm	49	Đinh Thị Ngọc Oanh	7,50	Bảy phẩy năm
16	Trịnh Thị Hào	8,00	Tám	50	Hà Hoài Phương	7,00	Bảy
17	Nông Thị Bích Hằng	8,00	Tám	51	Phùng Thị Phương	7,25	Bảy phẩy hai năm
18	Lương Thị Hiền	6,75	Sáu phẩy bảy năm	52	Ngọc Thị Minh Quyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm
19	Liêu Văn Hiệp	6,50	Sáu phẩy năm	53	Nông Thanh Quyết	8,00	Tám
20	Đàm Thị Hiệp	8,00	Tám	54	Đàm Thị Quỳnh	8,00	Tám
21	Hoàng Thị Hiếu	7,50	Bảy phẩy năm	55	Đinh Phan Tuấn	8,00	Tám
22	Hoàng Thị Hòa	8,25	Tám phẩy hai năm	56	Phan Sỹ Tuấn	7,50	Bảy phẩy năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
23	Lương Văn Hoán	6,75	Sáu phẩy bảy năm	57	Bế Văn Tuyên	7,50	Bảy phẩy năm
24	Bế Ích Hoàng	7,00	Bảy	58	Đỗ Thị Tuyết	6,75	Sáu phẩy bảy năm
25	Triệu Văn Hội	7,25	Bảy phẩy hai năm	59	Dương Văn Tường	7,50	Bảy phẩy năm
26	Nông Thị Thu Hồng	7,50	Bảy phẩy năm	60	Nông Thị Thanh	8,00	Tám
27	Nông Văn Hợp	8,00	Tám	61	Hoàng Văn Thịnh	7,50	Bảy phẩy năm
28	Đinh Thị Thanh Kim Huệ	8,00	Tám	62	Nguyễn Thị Thoa	7,25	Bảy phẩy hai năm
29	Vương Thị Huệ	8,00	Tám	63	Hà Thị Thuận	7,25	Bảy phẩy hai năm
30	Lê Thị Mỹ Huyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	64	Phan Văn Thuận	7,25	Bảy phẩy hai năm
31	Dương Thị Hường	7,00	Bảy	65	Phan Thị Trang	7,50	Bảy phẩy năm
32	Linh Quang Khương	6,25	Sáu phẩy hai năm	66	Nông Thị Vinh	7,50	Bảy phẩy năm
33	Nông Thị Thu Lê	7,50	Bảy phẩy năm	67	Trần Đức Xuân		<b>Thôi học</b>
34	Đinh Thị Lụa	7,50	Bảy phẩy năm	68	Lý Thị Yến	7,50	Bảy phẩy năm

Điểm 6,25: 01 điểm; điểm 6,50: 01 điểm; điểm 6,75: 06 điểm; điểm 7,00: 07 điểm; điểm 7,25: 05 điểm; điểm 7,50: 17 điểm; điểm 7,75: 08 điểm; điểm 8,00: 20 điểm; điểm 8,25: 02 điểm./.

**GHI ĐIỂM**

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**

**HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Thu Hằng**



**Đoàn Thị Vân Thúy**




**Trịnh Thị Ánh Hoa**